

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số:/...../HTC_

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ theo nhu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội.

Hôm nay, ngày tháng năm , chúng tôi gồm

BÊN A:

Địa chỉ	:	
Đại diện	:	Chức vụ:
Theo giấy ủy quyền số:		
Điện thoại	:	
Tài khoản	:	
Mã số thuế	:	

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG HÀ NỘI

Trụ sở chính	:	Tầng 6 - Lotus Building, số 2, Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội
Đại diện	:	Chức vụ:
Theo giấy ủy quyền số:/GUQ-HTC ngày tháng năm 20... của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông Hà Nội		
Điện thoại	:	84.24.35735504 Fax: 84.24.35729834
Tài khoản	:	031.01.01.067053.3 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN Đống Đa, Hà Nội
Mã số thuế	:	0101189672

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CUNG CẤP

- 1.1 Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ viễn thông theo các phụ lục kèm theo hợp đồng này.
- 1.2 Bên B đảm bảo duy trì sự ổn định và thông suốt kênh truyền trên cho Bên A. Việc Bên B để xảy ra sự cố gây gián đoạn kênh được Bên B tính toán giảm trừ cước tương ứng với thời gian gián đoạn theo quy định chung

ĐIỀU 2: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN:

- 2.1 Bên a có trách nhiệm hỗ trợ bên B triển khai và làm việc với ban quản lý toà nhà...những địa điểm lắp đặt. Bên B có trách nhiệm kéo cáp đến nơi đặt thiết bị của bên A chậm nhất trong thời gian 30 ngày kể từ khi hai Bên ký Hợp đồng.

- 2.2 Sau khi Bên B hoàn thành việc cài đặt dịch vụ, các Bên sẽ ký biên bản nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao dịch vụ, đưa đường truyền vào khai thác chính thức. Thời gian ký biên bản nghiệm thu(BNNT) và bàn giao kênh tối đa là trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc đấu nối đưa kênh vào sử dụng
- 2.3 Căn cứ biên bản nghiệm thu bên B sẽ tiến hành xuất hoá đơn thu cước dịch vụ.

ĐIỀU 3: CƯỚC PHÍ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG

3.1 Chi phí lắp đặt ban đầu:Theo phụ lục của hợp đồng

3.2 Cước thuê kênh hàng tháng: Theo phụ lục của hợp đồng

3.3 Khấu trừ cước thuê kênh:

3.3.1 Khấu trừ cước thuê kênh:

Trường hợp có kênh bị gián đoạn do lỗi của Bên B, Bên A sẽ được khấu trừ cước thuê mỗi kênh bị gián đoạn theo nguyên tắc sau:

- Số tiền giảm trừ cước = (Cước thuê tháng x Tổng thời gian gián đoạn trong tháng)/ Tổng thời gian của tháng
- Tổng số thời gian của tháng tính bằng số ngày trong tháng x 24 giờ/ngày
- Tiền khấu trừ (nếu có) của tháng nào căn cứ vào biên bản xác nhận lỗi gián đoạn của hai bên tại thời điểm phát sinh lỗi trong tháng đó và sẽ được khấu trừ trực tiếp vào cước dịch vụ của kỳ thanh toán tiếp theo.

3.3.2 **Thời điểm tính cước**

- Thời điểm bắt đầu tính cước thuê kênh từ ngày các Bên ký biên bản nghiệm thu và bàn giao kênh đưa vào vận hành khai thác
- Nếu thời gian sử dụng dịch vụ của tháng bắt đầu và tháng kết thúc hợp đồng chưa đủ một tháng, cước bên A phải trả sẽ được tính bằng cước dịch vụ đủ tháng chia cho số ngày thực tế trong tháng nhân với số ngày thực tế sử dụng dịch vụ trong tháng.
- Trong thời hạn thuê kênh nếu có chính sách của Nhà nước hoặc của Bên B về thay đổi giá cước mới, Bên B sẽ kịp thời thông báo cho bên A biết và nếu bên A đồng ý, hai bên sẽ bàn bạc hiệu chỉnh cho phù hợp.

3.4 Phương thức thanh toán

3.4.1 Bên B có trách nhiệm xuất hoá đơn cước dịch vụ cho bên A theo thời gian thoả thuận giữa hai bên, thời gian xuất hoá đơn chậm nhất trong vòng 20 ngày sau khi hai bên nghiệm thu kênh truyền.

3.4.2 Thời hạn thanh toán cước: Thời hạn thanh toán cước hàng tháng là tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn của tháng phát sinh cước. Nếu quá thời hạn này, Bên A chưa thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất nợ quá hạn cho mỗi ngày trả chậm tính theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

3.4.3 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

Đơn vị thụ hưởng: **Công ty Cổ phần Viễn Thông Hà Nội**

Số tài khoản: 031.01.01.067053.3 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa, Hà Nội

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- 4.1.1 Sử dụng dịch vụ theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích vận hành và sử dụng kênh đã thuê.
- 4.1.2 Có trách nhiệm thanh toán cước đủ, đúng hạn và chịu mọi chi phí (Chuyển tiền, lãi suất do trả chậm và các chi phí khác có liên quan) phát sinh khi thanh toán cước do trả chậm.
Khắc phục sự cố xảy ra nếu sự cố đó thuộc phạm vi, trách nhiệm của bên A
- 4.1.4 Phối hợp, tạo điều kiện và đảm bảo an toàn cho Bên B trong quá trình cung cấp dịch vụ và vận hành khai thác kênh, bảo dưỡng và kiểm tra chất lượng dịch vụ tại địa điểm của Bên A.
- 4.1.5 Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề có liên quan đến Hợp đồng và việc sử dụng dịch vụ
- 4.1.6 Bên A cam kết sẽ sử dụng dịch vụ trong suốt thời hạn của hợp đồng. Nếu Bên A chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong năm đầu tiên Bên A sẽ chịu phạt 100% giá trị còn lại của hợp đồng từ khi có lý do chính đáng và được sự đồng ý của bên B. Tại các năm tiếp theo nếu bên A muốn thanh lý hợp đồng phải báo trước cho bên B 30 ngày.
- 4.1.7 Khi xảy ra sự cố về đường truyền Bên A liên hệ trực tiếp bộ phận trực 24/7:
Tel: (04) 3573 9419 hoặc gửi thông tin theo địa chỉ E-mail: noc@hitc.vn,
truyendan@hitc.vn

4.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- 4.2.1 Cung cấp dịch vụ như quy định tại Điều 1 Hợp đồng này theo chất lượng và tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông cũng như thoả thuận giữa hai bên.
- 4.2.2 Cài đặt và thông kênh, tổ chức kênh đưa vào cho Bên A sử dụng theo đúng thời hạn đã cam kết theo Điều 1 của hợp đồng này. Trong trường hợp địa điểm sử dụng của Bên A nằm trong các toà nhà, khu công nghiệp, khu dân cư, tuyến đường,... có quy hoạch đặc biệt thì Bên B có trách nhiệm đàm phán với Đơn vị quản lý các công trình đó để Bên B hoàn thành việc triển khai cáp.
- 4.2.3 Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị của Bên B đặt tại Bên A nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ. Trước khi bảo dưỡng kênh thì phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 03 ngày và nhận được sự đồng ý của Bên A thì mới được ngừng kênh để bảo dưỡng.
- 4.2.4 Khắc phục sự cố xảy ra trong thời gian sớm nhất khi nhận được thông báo của Bên A nếu sự cố đó thuộc trách nhiệm của Bên B. Trong trường hợp này Bên A sẽ được khấu trừ cước thuê kênh hàng tháng theo khoản 3.3 của Hợp đồng này.
- 4.2.5 Thông báo cho Bên A biết những thay đổi (nếu có) về cước dịch vụ trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- 4.2.6 Hàng tháng cùng với Bên A lập xác nhận chất lượng kênh hàng tháng để làm cơ sở cho việc thanh toán chi phí thuê kênh. Cung cấp đầy đủ chứng từ hoá đơn tài chính cho Bên A để Bên A thanh toán tiền cho Bên B

- 4.2.7 Giải đáp các khiếu nại của Bên A liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông

ĐIỀU 5: THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1. Hợp đồng này có thời hạn là **12 (mười hai) tháng** kể từ ngày Hai Bên ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao kênh đưa vào vận hành sử dụng.
- 5.2. Trong trường hợp vào ngày hết hạn trong hợp đồng theo quy định của khoản 4.1 mà một trong các Bên không có văn bản về việc (i) thông báo chấm dứt hoặc (ii) không có nhu cầu gia hạn thì Hợp đồng đương nhiên được coi là gia hạn thêm thời hạn 12 tháng tiếp theo.
- 5.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu một trong hai Bên có nhu cầu điều chỉnh các điều khoản trong hợp đồng cho phù hợp thì phải thông báo cho Bên kia biết và nếu được sự chấp thuận của Bên kia sẽ cùng nhau tiến hành bàn bạc, làm các phụ lục hợp đồng bổ sung. Các phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

ĐIỀU 6: TẠM NGỪNG DỊCH VỤ VÀ ĐÌNH CHỈ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG.

6.1 Tạm ngừng dịch vụ và đình chỉ thực hiện hợp đồng

- 6.1.1 Khi một trong hai bên vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng, tùy theo mức độ nghiêm trọng của vi phạm, bên kia có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng. Bên đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản ít nhất là ba (3) ngày trước ngày dự kiến đình chỉ thực hiện hợp đồng.
- 6.1.2 Bên B có quyền tạm ngừng việc cung cấp dịch vụ cho Bên A nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất ba (03) ngày nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Mục 3.4.2 của hợp đồng này mà Bên A vẫn chưa thanh toán nợ quá hạn thì Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp toàn bộ dịch vụ không chịu bất kỳ trách nhiệm và/hoặc chi phí nào.
 - b Theo chỉ dẫn hoặc yêu cầu của chính phủ hay các cơ quan có thẩm quyền.
 - c Để giảm hoặc ngăn chặn lỗi hay nhiễu trong nội mạng của Bên B.
 - d Khi hai Bên không thể thoả thuận điều chỉnh lại các điều khoản của hợp đồng theo các quy định của các cơ quan có chức năng đối với các vấn đề tương ứng và có liên quan của hợp đồng này tại từng thời điểm cụ thể.
 - e Bên B thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa, hoặc nâng cấp thiết bị, phần mềm có định kỳ (với điều kiện phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên A) hoặc trong trường hợp khẩn cấp (với điều kiện phải kịp thời thông báo cho Bên A).
 - f Đối với những lỗi vi phạm nghiêm trọng liên quan tới việc thanh toán hàng tháng:
 - Nếu vi phạm kéo dài 5 ngày sau khi Bên B thông báo cho Bên A, Bên B có quyền ngừng dịch vụ ngay mà không cần thông báo trước cho Bên A
 - Và nếu vi phạm này tiếp tục kéo dài 30 ngày sau khi Bên B thông báo cho Bên A, Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng ngay qua thông báo bằng văn bản cho Bên A.

- g Đối với những lỗi vi phạm không liên quan tới việc thanh toán (như sử dụng sai mục đích trái với quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định ngành có liên quan...):
- Nếu vi phạm tiếp diễn trong 10 ngày sau khi Bên B thông báo cho Bên A thì Bên B có quyền tạm dừng dịch vụ ngay mà không cần thông báo trước cho Bên A.
 - Nếu vi phạm tiếp tục kéo dài trong 30 ngày sau khi Bên B thông báo cho Bên A thì Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng ngay qua thông báo bằng văn bản cho Bên A.
- 6.1.3** Bên A có quyền yêu cầu Bên B tạm ngưng cung cấp dịch vụ một phần hoặc toàn bộ dịch vụ theo nhu cầu sử dụng của Bên A: tối đa là ba(03) tháng. Hết thời hạn này, Bên A vẫn không đề nghị khôi phục lại dịch vụ và hai bên không thoả thuận được tiếp tục sử dụng dịch vụ thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này Bên A coi như đơn phương chấm dứt hợp đồng và phải bồi thường toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Bên B
- 6.1.4** Trong trường hợp tạm ngưng dịch vụ theo yêu cầu của Bên A, Bên A phải thanh toán cho Bên B 30% tiền cước thuê kênh

6.2 Khôi phục dịch vụ

- 6.2.1** Trong thời gian Bên A yêu cầu tạm ngưng cung cấp dịch vụ, nếu Bên A muốn tiếp tục sử dụng dịch vụ thì Bên B khôi phục lại việc cung cấp dịch vụ trong thời hạn ba (03) ngày kể từ khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Bên A
- 6.2.2** Trong thời hạn bị tạm ngưng dịch vụ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán cước, nếu Bên A thanh toán đầy đủ các khoản nợ cước và đề nghị được tiếp tục sử dụng dịch vụ, thì Bên B có trách nhiệm khôi phục lại việc cung cấp dịch vụ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Bên A.
- 6.2.3** Đối với các trường hợp tạm ngưng cung cấp dịch vụ còn lại, Bên B sẽ khôi phục dịch vụ khi Bên A đã tiến hành các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của Bên B hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền

6.3 Chấm dứt hợp đồng

- 6.3.1** Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau:
Khi Bên A không có nhu cầu sử dụng dịch vụ và chấm dứt trước thời hạn trong năm đầu tiên, Bên A phải bồi thường cho Bên B 100% giá trị còn lại của hợp đồng trừ khi có lý do chính đáng và được sự đồng ý của Bên B. Tại các năm tiếp theo nếu Bên A muốn thanh lý hợp đồng phải báo trước cho Bên B trước ba mươi(30) ngày.
- 6.3.2** Trường hợp Bên A yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do các yếu tố bất khả kháng tác động như: thiên tai, lũ lụt, chiến tranh... mà bên B không còn khả năng phục hồi dịch vụ cho Bên A, Bên A không phải bồi thường cho Bên B
- 6.3.3** Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:
a) Quá 30 ngày kể từ ngày Bên B tạm ngưng cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm a Điều 6.1.2 Hợp đồng này, mà Bên A vẫn chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ cước cho Bên B.

- b) Quá 30 ngày kể từ ngày Bên B tạm ngưng cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm e Điều 6.1.2 Hợp đồng này, mà bên A vẫn chưa tiến hành các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của Bên B, hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- c) Bên A vi phạm pháp luật về Viễn Thông khi có văn bản kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mà không thực thi trách nhiệm của mình theo kết luận xử lý trong văn bản.
- d) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

6.3.4 Trước khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trước ít nhất là 15(mười lăm) ngày.

6.4 Thanh lý hợp đồng: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng, hai bên sẽ ký Biên bản thanh lý Hợp đồng. Trước khi ký Biên bản thanh lý Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm thanh toán cho nhau mọi khoản nợ và bồi thường thiệt hại (nếu có)

ĐIỀU 7: GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ TRANH CHẤP

- 7.1 Các khiếu nại của mỗi bên liên quan đến cung cấp dịch vụ sẽ được hai bên giải quyết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bên khiếu nại thông báo bằng văn bản cho bên kia
- 7.2 Trong thời gian giải quyết khiếu nại, Bên A vẫn phải thanh toán đầy đủ cước theo như bản xác nhận cước thuê kênh. Nếu có khiếu nại liên quan đến tiền cước sẽ được giải quyết ngay tháng tiếp theo sau đó.
- 7.3 Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp hai Bên không thương lượng và hoà giải được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1 Hai Bên sẽ không bị xử lý bảo đảm thực hiện hợp đồng, không phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt, bị chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng.
- 8.2 Trong hợp đồng này, trường hợp bất khả kháng là những trường hợp được quy định cụ thể tại Bộ Luật dân sự năm 2015 là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của Bên Mua và Bên Bán, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của Bên Bán, bao gồm nhưng không giới hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hoả hoạn, bão lũ lụt, động đất, dịch bệnh, các lý do miễn dịch, cấm vận.
- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các Bên (Bên Thông báo) phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên Thông báo phải chuyển cho Bên còn lại giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tờ chức có thẩm quyền hoặc phòng thương mại tại nước sở tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên thông báo vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc theo hợp đồng và giảm thiểu hậu quả của trường hợp bất khả kháng

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 9.1 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A có nhu cầu thay đổi địa điểm kết nối hoặc mở rộng điểm kết nối (thuê thêm kênh) trong phạm vi khả năng cấp kênh của Bên B thì Bên B có trách nhiệm tổ chức và cung cấp kênh, chi phí cho việc thay đổi hoặc mở rộng này được cả hai Bên bàn bạc, thống nhất nhưng không vượt quá khung giá quy định.
- 9.2 Bất cứ thay đổi nào về nội dung và các vấn đề liên quan đến Hợp đồng này phải được sự đồng ý của Hai Bên và lập thành văn bản mới có chữ ký và đóng dấu hợp lệ của Hai Bên. Những văn bản này là phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
- 9.3 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này và các quy định khác có liên quan do pháp luật Việt Nam quy định. Bên vi phạm có trách nhiệm chịu phạt vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Bên kia theo quy định của Hợp đồng và trên cơ sở những quy định của pháp luật hiện hành.
- 9.4 Hai bên thống nhất sẽ không tiết lộ, sao chép, tái xuất, công bố hay phân phối toàn bộ hay một phần của bất kì nội dung nào trong bản Hợp đồng này cho bất kì bên thứ ba nào mà không có sự nhất trí bằng văn bản của hai bên.
- 9.5 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 1

PHẠM VI, TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CUNG CẤP VÀ CƯỚC PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ

(Kèm theo hợp đồng số:/...../HTC-..... ký ngày/...../20... giữa Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội và)

1./ Phạm vi cung cấp dịch vụ và cước phí

- Bên B cung cấp cho Bên A tuyến kênh truyền số liệu cụ thể như sau:
- Chi phí lắp đặt ban đầu

STT	Điểm đầu	Điểm cuối	Giao diện	Băng thông (Mbps)	Số lượng kênh	Thành tiền (VNĐ)
Tổng cộng chưa VAT						
Thuế VAT 10%						
Tổng cộng						
(Bảng chữ:...../)						

- Chi phí thuê kênh hàng tháng

STT	Điểm đầu	Điểm cuối	Giao diện	Băng thông (Mbps)	Số lượng kênh	Thành tiền (VNĐ)
1						
Tổng cộng chưa VAT						
Thuế VAT 10%						
Tổng cộng						
(Bảng chữ:/)						

2./ Tiến độ triển khai cung cấp dịch vụ

- Bên B có trách nhiệm hoàn thành lắp đặt tuyến kênh truyền trước ngày.....

3./ Quy định về bàn giao nghiệm thu tuyến kênh

- Sau khi đo kiểm, chạy thử dịch vụ, nếu không có phát sinh lỗi hay vấn đề kỹ thuật, hai Bên sẽ thống nhất ký bàn giao nghiệm thu kỹ thuật của kênh để hai Bên làm căn cứ tính cước, xuất hóa đơn thanh toán hàng tháng.

- Biên bản bàn giao nghiệm thu kênh do Bên B lập và chuyển cho Bên A xác nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

